

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó Giáo Sư

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Y học ;

Chuyên ngành: Y tế công cộng

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Phạm Bích Diệp

2. Ngày tháng năm sinh: 20/10/1979; Nam; Nữ Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Chuyên Ngoại, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Nhà 15 Dãy T2 Tổ dân phố Nam Thăng Long, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Nhà 15 Dãy T2 Tổ dân phố Nam Thăng Long, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Điện thoại nhà riêng:-; Điện thoại di động: 0912365666;

E-mail: phambichdiep@hmu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 9 năm 2001 đến tháng 02 năm 2006: Bộ môn Kinh tế y tế và sau đó năm 2004 đổ vào biên chế giảng viên Bộ môn Kinh tế y tế, Khoa Y tế công cộng, Trường đại học Y Hà Nội.

Từ tháng 02 năm 2006 đến nay: Giảng viên Bộ môn Giáo dục và nâng cao sức khỏe, Viện đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng, Trường đại học Y Hà Nội.

Từ tháng 04 năm 2022 đến tháng 4 năm 2023: Kiêm nhiệm phòng Đào tạo -Nghiên cứu khoa học – Hợp tác quốc tế, Viện đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng, Trường đại học Y Hà Nội. Từ tháng 4 năm 2023 được bổ nhiệm Phó trưởng phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học – Hợp tác quốc tế, Viện đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng, Trường đại học Y Hà Nội.

Chức vụ: Hiện nay:

- Phó trưởng Bộ môn Giáo dục và nâng cao sức khỏe;
- Phó trưởng phòng Đào tạo -Nghiên cứu khoa học – Hợp tác quốc tế, Viện đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng, Trường đại học Y Hà Nội;

Chức vụ cao nhất đã qua:

- Phó trưởng Bộ môn Giáo dục và nâng cao sức khỏe;
- Phó trưởng phòng Đào tạo -Nghiên cứu khoa học – Hợp tác quốc tế, Viện đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng, Trường đại học Y Hà Nội.

Cơ quan công tác hiện nay: Viện đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng, Trường đại học Y Hà Nội.

Địa chỉ cơ quan: Nhà A7, Số 1 Tôn Thất Tùng, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: +84 24 38523798; Địa chỉ Email: daihocyhn@hmu.edu.vn;

Fax: +842438525115

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm:

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 18 tháng 07 năm 2001; số văn bằng 345947 vào sổ số 1155/K33-D4; ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Kế toán; Nơi cấp bằng ĐH: Trường đại học Thương Mại, Việt Nam.
- Được cấp bằng ThS ngày 29 tháng 03 năm 2008; số văn bằng:; ngành: Y tế công cộng; chuyên ngành: Y tế công cộng; Nơi cấp bằng ThS: Đại học James Cook, Úc. Đã được Cục khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục của Bộ giáo dục và đào tạo công nhận bằng tốt nghiệp thạc sĩ đã đăng ký tại Bộ giáo dục và đào tạo ngày 20 tháng 12 năm 2016, vào sổ đăng ký số 012408/CNVB-ThS.
- Được cấp bằng TS ngày 13 tháng 06 năm 2016; số văn bằng:; ngành: Khoa Khoa học sức khỏe, y tế và khoa học đời sống; Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Maastricht, Hà Lan (Faculty of Health, Medicine and Life Sciences of Maastricht University). Đã được Cục khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục của Bộ giáo dục và đào tạo công nhận bằng tốt nghiệp tiến sĩ đã đăng ký tại Bộ giáo dục và đào tạo ngày 19 tháng 1 năm 2017, vào sổ đăng ký số 012672/CNVB-TS.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng nămngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Đại học Y Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hướng nghiên cứu thứ 1: Hành vi sức khỏe và các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe
- Hướng nghiên cứu thứ 2: Giáo dục y học

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn: 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn: 06 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 06 đề tài cấp cơ sở ;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Đã công bố tổng số 72 bài báo (13 bài xuất bản quốc tế thuộc hệ thống ISI/Scopus với 8 bài là tác giả chính và 59 bài xuất bản trong nước của các tạp chí có uy tín với 33 bài là tác giả chính).

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 04 sách giáo trình (01 sách là đồng chủ biên), trong đó 04 sách thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế: quyết định số 2735/QĐ-BYT ngày 06 tháng 8 năm 2012.

- Giấy khen của Viện trưởng Viện đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng: quyết định số 184/YHDP&YTCC ngày 19 tháng 8 năm 2014.

- Hiệu trưởng Trường Đại học Y Hà Nội tặng danh hiệu Chiến sĩ thu đua cơ sở : quyết định số 259/QĐ-ĐHYHN ngày 14 tháng 2 năm 2020.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Sau thời gian 24 năm công tác tại Trường Đại học Y Hà Nội (trong đó có 20 năm vào biên chế chính thức), tôi tự đánh giá mình theo tiêu chuẩn của nhà giáo được quy định trong Luật Giáo dục như sau:

Tôi thường xuyên ủng hộ, thực hiện tốt mọi chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, thực hiện nghĩa vụ của một công dân, tuân thủ mọi quy định của pháp luật, các quy định của Ngành và của Trường. Tôi cũng luôn nhận được sự hỗ trợ của đồng nghiệp đi trước và từ đó tôi cũng luôn ý thức để bồi dưỡng, đào tạo cán bộ kế tiếp. Ngoài ra, tôi tham gia tích cực các hoạt động phong trào được Bộ môn, Viện và Trường phát động như đóng góp nhiệt tình cho các hoạt động từ thiện.

Với vai trò là một giảng viên tôi luôn ý thức cần phải gương mẫu, luôn giữ phẩm chất, tư tưởng, đạo đức tốt để không ảnh hưởng đến tư duy của các em sinh viên. Từ khi bước chân vào trường, tôi đã nhận thức được rằng một giảng viên không chỉ cần có năng lực chuyên môn giỏi mà còn cần phải có phương pháp sư phạm tốt, tâm huyết với nghề thì mới có thể truyền cảm hứng và giảng dạy tốt cho sinh viên. Do đó, tôi luôn cầu thị,

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

cố gắng và không ngừng học hỏi để nâng cao trình độ chuyên môn, luôn cập nhật kiến thức mới để luôn đáp ứng được những đổi mới trong nội dung giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Bên cạnh đó, tôi cũng học hỏi thêm về các phương pháp sư phạm trong y học để cập nhật phương pháp giảng dạy mới, phương pháp giảng dạy tích cực, từ đó áp dụng vào bài giảng với mong muốn truyền đạt được tối đa nội dung chuyên môn và tạo động lực cho các em sinh viên học tập tốt hơn. Ngoài công tác giảng dạy, tôi tham gia rất tích cực các hoạt động nghiên cứu khoa học, xây dựng và phát triển chương trình, viết tài liệu giảng dạy. Kết quả của những nỗ lực đó là tôi đã được thi nâng ngạch và trở thành giảng viên chính. Tôi đã tham gia giảng dạy cho các đối tượng sinh viên đại học và sau đại học và được đánh giá tốt. Bên cạnh đó, tôi tham gia hướng dẫn sinh viên làm khoá luận tốt nghiệp và học viên làm luận văn và đề tài nghiên cứu khoa học. Đến nay, tôi đã hướng dẫn 06 học viên cao học và chủ trì 06 đề tài cấp cơ sở, tham gia viết 04 sách giáo trình. Năm nào tôi cũng hoàn thành giờ giảng vượt định mức. Cho đến nay, tôi đã xuất bản được 72 bài báo (13 bài xuất bản quốc tế thuộc hệ thống ISI/Scopus với 8 bài là tác giả chính và 59 bài xuất bản trong nước thuộc các tạp chí khoa học có uy tín với 33 bài là tác giả chính). Trong tổng số 72 bài báo đã xuất bản, có 60 bài xuất bản sau khi bảo vệ tiến sĩ (9 bài xuất bản quốc tế với 4 bài là tác giả chính, 51 bài xuất bản trong nước của các tạp chí uy tín với 27 bài là tác giả chính).

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 24 năm (trong đó 20 năm vào biên chế chính thức).

- Tổng số thâm niên đào tạo; 15 năm 5 tháng (từ tháng 4 năm 2004 đến tháng 7 năm 2024), không kể thời gian là giảng viên tập sự (tháng 9 năm 2001 – tháng 4 năm 2004) và thời gian học thạc sĩ tại Úc (tháng 2 năm 2006 đến tháng 12 năm 2008).

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2018-2019	0	0	1	1	185,5	106	291,5/ 323,2/ 288
2	2019-2020	0	0	2	1	276,4	118,7	395,1/ 441,8/ 288
3	2020-2021	0	0	2	0	206	157,5	363,5/ 393,5/ 288

03 năm học cuối								
4	2021-2022	0	0	1	0	183,3	267,7	451/ 476/ 279
5	2022-2023	0	0	1	2	84,4	277,3	361,7/ 466,7/ 217
6	2023-2024	0	0	1	2	52,7	206,1	258,8/ 333,8/ 170,7

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS tại nước Úc năm 2007 và luận án Tiến sĩ tại nước: Hà Lan năm 2016.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Giảng bằng tiếng Anh cho sinh viên học thạc sỹ Y tế công cộng bằng tiếng Anh.

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Viện đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng, Trường đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: Trình bày nghiên cứu tại hội nghị khoa học Quốc tế:

- Trình bày báo cáo tại hội nghị KBS 37, Melbourne, Úc, tháng 4 năm 2010

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Trình bày báo cáo tại hội nghị KBS 39, Kampala, Uganda, tháng 6 năm 2013
- Trình bày báo cáo bằng poster tại hội nghị ‘Global alcohol Policy’ Seoul, Hàn Quốc, tháng 10 năm 2013.
- Trình bày báo cáo tại hội nghị Addictive Therapy, Research and treatment, Florida, Mỹ năm 2015.
- Trình bày báo cáo bằng poster tại hội nghị “Health Literacy”, Taichung, Đài Loan, tháng 10 năm 2018.
- Trình bày báo cáo online tại hội nghị quốc tế lần thứ 35 về Sa sút trí tuệ, Vương quốc Anh, tháng 6 năm 2022.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

- Học thạc sỹ bằng tiếng Anh tại Úc
- Viết luận án, bảo vệ và nhận bằng Tiến sĩ tại Hà Lan (sử dụng tiếng Anh).
- Tham gia giảng dạy một chương trình bằng tiếng Anh.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS HVCH/ CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NC S	HVCH /CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Văn Chính		+	+		2017-2018	Trường ĐHY Hà Nội	12/2018
2	Ayphone Lorsomma		+	+		2018-2019	Trường ĐHY Hà Nội	12/2019
3	Phạm Thị Nga		+	+		2021-2022	Trường ĐHY Hà Nội	1/2023
4	Đỗ Thị Thanh		+	+		2021-2022	Trường ĐHY Hà Nội	1/2023
5	Nguyễn Thị Hồng		+	+		2023-2024	Trường ĐHY Hà Nội	12/2023
6	Đỗ Thị Thu		+		+	2023-2024	Trường ĐHY Hà Nội	12/2023

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1	Khoa học hành vi và truyền thông giáo dục sức khỏe.	GT	Nhà xuất bản Y học, 2012	10	Tham gia	116-129	Quyết định số 1793/QĐ- ĐHYHN
2	Hướng dẫn thực hành truyền thông giáo dục sức khỏe.	GT	Nhà xuất bản Y học, 2012	04	Tham gia	7-20	Quyết định số 1793/QĐ- ĐHYHN
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
3	Truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe (giáo trình đào tạo sau đại học)	GT	Nhà xuất bản Y học, 2020	05	Tham gia	85-117;	Quyết định số 3257/QĐ- ĐHYHN ngày 14/8/2020
4	Phương pháp sư phạm y học cơ bản trong y tế công cộng	GT	Nhà xuất bản Y học, 2023	10	Đồng chủ biên		Quyết định số 4349/QĐ- ĐHYHN ngày 28/9/2023

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số thứ tự) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS:.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1	Sử dụng mạng xã hội của sinh viên Đại học Y Hà Nội và ứng dụng của mạng xã hội trong học tập và thực hiện truyền thông sức khỏe.	CN	Đề tài cơ sở	1/2016 - 12/2016	Quyết định công nhận số 2274/QĐ-ĐHYHN ngày 8 tháng 7 năm 2016. Khá.
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
2	Khả năng triển khai dịch vụ cai nghiện thuốc lá tại các cơ sở y tế tại một số tỉnh ở Việt Nam, năm 2017-2018	CN	Đề tài cơ sở	3/2018 - 9/2018	Quyết định công nhận số 5785/QĐ-ĐHYHN ngày 23 tháng 10 năm 2018. Xuất sắc
3	Kiến thức và tiếp cận thông tin về tác hại thuốc lá và một số quy định luật phòng chống tác hại thuốc lá của người dân tại 3 vùng Bắc, Trung, Nam Việt Nam	CN	Đề tài cơ sở	3/2018 - 3/2019	Quyết định công nhận số 5781/QĐ-ĐHYHN ngày 23 tháng 10 năm 2018. Xuất sắc

4	Ứng dụng mô hình lý thuyết hành vi dự định (theory of planned Behaviour - TPB) để mô tả các yếu tố liên quan đến hành vi sử dụng thuốc lá điện tử của nam thanh niên từ 18 tuổi tại Hà Nội năm 2018	CN	Đề tài cơ sở	6/2018 - 6/2019	Quyết định công nhận số 1512/QĐ-ĐHYHN ngày 31 tháng 5 năm 2019. Xuất sắc
5	Thực trạng hút thuốc lá thụ động của phụ nữ mang thai đến khám tại khoa sản bệnh viện tỉnh Huy Phấn Lào năm 2018 và một số yếu tố liên quan.	CN	Đề tài cơ sở	2018 - 2019	Quyết định công nhận số 530/QĐ-ĐHYHN ngày 12 tháng 3 năm 2020. Xuất sắc
6	Ứng dụng lý thuyết hành vi có kế hoạch để phân tích yếu tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng đồ ăn nhanh của sinh viên trường đại học Y Hà Nội năm 2020-2021.	CN	Đề tài cơ sở	2021	Quyết định công nhận số 779/QĐ-ĐHYHN ngày 08 tháng 04 năm 2022. Xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

ST T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chín h	Tên tạp chí hoặc yếu học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế y học/ISI, Scopus (IF, Q _i)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng , năm công bố
A	HƯỚNG NGHIÊN CỨU THỨ NHẤT: HÀNH VI SỨC KHOẺ VÀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HÀNH VI SỨC KHOẺ							
A.1 Trước khi được công nhận PGS/TS								
Xuất bản quốc tế								
1	Alcohol consumption and alcohol related problems among Vietnamese medical students. doi.org/10.1111/j.1465-3362.2009.00094.x	5	✓	Drug and Alcohol Review	ISI (IF=1,548 năm 2010)	48	29 (2); 219-226	2010
2	Alcohol- related harm among university students in Hanoi, Vietnam. DOI: 10.3402/gha.v6i0.18857	4	✓	Global Health Action	ISI (IF=1,630 năm 2013)	30	6; 18857	2013
3	Secondhand effects of alcohol use among students in Vietnam. doi.org/10.3402/gha.v8.25848	4	✓	Global Health Action	ISI (IF= 1,725 năm 2015)	25	8; 25848, 1-7	2015
4	Direct and indirect effects of alcohol expectancies through drinking motives on alcohol outcomes among students in Vietnam. doi:10.1016/j.addbeh.2015.09.009	5	✓	Addictive Behaviour	ISI (IF= 2,923 năm 2016)	23	52; 115-122	2016
Xuất bản trong nước								
5	Thực trạng sử dụng rượu/bia của sinh viên trường đại học Y Thái Nguyên	04	✓	Tạp chí y học thực hành. ISSN: 1859-1663			643; 121-127	12/2008

6	Thực trạng về nhân lực các phòng TT-GDSK thuộc trung tâm y tế huyện	05		Tạp chí y học thực hành. ISSN: 1859-1663			643; 141-146	12/2008
7	Tình hình sử dụng rượu/bia của sinh viên trường đại học Y Hà Nội năm 2006	04		Tạp chí y học thực hành. ISSN: 1859-1663			643; 153-158	12/2008
8	Lạm dụng rượu/bia và tác hại của lạm dụng rượu/bia trong sinh viên đại học Y Hà Nội.	05	✓	Tạp chí y học thực hành. ISSN: 1859-1663			701+702; 86-91	12/2009
9	Ảnh hưởng tích cực do uống rượu/bia trong sinh viên đại học Y Hà Nội.	01	✓	Tạp chí nghiên cứu y học-Phụ truong. ISSN 0868-202X			72(1); 176-180	2/2011
10	Ảnh hưởng tiêu cực đến sinh viên từ người uống rượu/bia	01	✓	Tạp chí nghiên cứu y học ISSN 0868-202X			84 (4); 42-47	9/2013
11	Bối cảnh uống rượu, bia của sinh viên Việt Nam.	01	✓	Tạp chí Y học dự phòng. ISSN 0868-2836			XXV (6 (166)); 470-479	8/2015
A.2 Sau khi được công nhận TS								
Xuất bản quốc tế								
12	A Multilevel Study of Students in Vietnam: Drinking Motives and Drinking Context as Predictors of Alcohol Consumption. doi:10.3390/ijerph13070710	4	✓	International Journal of Environmental Research ISI (Q2) (IF=2,2)	25		13, 710	7/2016

				and Public health				
13	Healthcare infrastructure capacity to respond to severe acute respiratory infection (SARI) and sepsis in Vietnam: A low-middle income country. doi.org/10.1016/j.jcrc.2017.07.020	6		Journal of Critical Care	ISI (IF=2.87 năm 2017)	24	42; 109-115	12/2017
14	Exposure to Messages on Risk Factors for Noncommunicable Diseases in a Rural Province of Vietnam. doi.org/10.1155/2019/7962947	4	✓	BioMed Research International	ISI (IF=2.29 năm 2019)	9	2019	04/2019
15	Methanol content in homemade alcohol from a province in North Vietnam. doi.org/10.1111/dar.12937	5		Drug Alcohol Rev	ISI (IF = 2,45 năm 2019)	45	38; 537-542	5/2019
16	Improvement in Compliance With Smoke-Free Environment Regulations at Hotels and Restaurants in Vietnam After an Administrative Intervention. doi.org/10.1177/1178630220939927	8		Environment Health Insights.	ISI (IF = 2,9)	2	14; 1-9	7/2020
17	Attempt to Quit Tobacco Smoking among Male Smokers in Vietnam and Predictive Factors: Findings from Global Adult Tobacco Survey (GATS). doi: 10.31557/APJCP.2021.22.7.2061	5		Asian Pac J Cancer Pre	Scopus (Q3)	3	22 (7); 2061-2067	11/2021
18	Experiences and perceptions of dementia in Vietnam and among the Vietnamese diaspora: a systematic review of qualitative studies. doi.org/10.1080/13607863.2022.2056136	15		Aging & mental health	ISI (IF = 3.8 năm 2022)	8	27 (2); 301-306	5/2022

19	Knowledge, attitudes and self-confidence with skills required for providing dementia care in physicians at primary health care settings in Vietnam. doi.org/10.1186/s12913-023-10460-4	15	✓	BMC Health service research.	ISI	1	24 (86): 1-12	1/2024
	Xuất bản trong nước							
20	Chi phí trực tiếp cho điều trị và ngoài điều trị của người bệnh đái tháo đường típ 2 trong một lần điều trị ngoại trú tại Khoa khám bệnh, Bệnh viện Thanh Nhàn – Hà Nội, năm 2017	04		Tạp chí Y học Việt Nam. ISSN: 1859-1868			466 (1); 150-153	4/2018
21	Contraceptive knowledge and practice among clicents after safe medical abortion at clinics of Marie Stop International, Vietnam.	04	✓	Journal of Clinical medicine. ISSN: 1859-3593			1; 76-84	8/2018
22	Chủ động tìm kiếm thông tin về bệnh do Viruts Zika của sinh viên Đại học Y Hà nội năm 2017.	02		Tạp chí Y học Việt Nam. ISSN: 1859-1868			472 (1); 163-167	11/2018
23	Vi phạm quy định cấm hút thuốc lá tại một số địa điểm cấm hút thuốc lá của người dân Việt Nam năm 2017	02	✓	Tạp chí Y học dự phòng. ISSN: 0868-2836			28 (12); 93-100	12/2018
24	Thực thi môi trường không khói thuốc tại trường mẫu giáo và tiểu học trong cả nước năm 2017.	02		Tạp chí nghiên cứu Y học. ISSN: 2354-080X			117 (1); 157-165	2/2019
25	Thực trạng hút thuốc lá thụ động của phụ nữ mang thai đến khám tại bệnh viện tỉnh Hua Phăn, Lào, năm 2018	03		Tạp chí Y học Việt Nam. ISSN: 1859-1868			477 (2); 57-61	4/2019

26	Kiến thức người dân năm 2017 về một số tác hại của thuốc lá.	02		Tạp chí Y học thực hành. ISSN: 1859-1663			5 (1097); 10-14	5/2019
27	Thực trạng tiếp cận các kênh truyền thông về tác hại thuốc lá của người dân ở một số tỉnh thuộc ba miền năm 2017	02	✓	Tạp chí Y học thực hành. ISSN: 1859-1663			5 (1097); 30-34	5/2019
28	Kiến thức của lãnh đạo về địa điểm hút thuốc lá đúng quy định và thực thi môi trường không khói thuốc năm 2017 tại các Bộ/Ngành/Tổ chức xã hội.	02	✓	Tạp chí Y học thực hành. ISSN: 1859-1663			5 (1097); 41-45	5/2019
29	Mô tả một số yếu tố ảnh hưởng đến sử dụng thuốc lá điện tử của nam giới từ 18 tuổi tại Hà Nội năm 2018	03		Tạp chí Y học thực hành. ISSN: 1859-1663			5 (1097); 107-111	5/2019
30	Tiếp cận thụ động thông tin về bệnh do virus Zika trong sinh viên Đại học Y Hà Nội.	03	✓	Tạp chí Y học thực hành. ISSN: 1859-1663			5 (1097); 112-116	5/2019
31	Hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe liên quan tới tiêm phòng Sởi - Rubella cho người chăm sóc trẻ 18-24 tháng tuổi, nữ độ tuổi sinh đẻ tại Hà Nội.	03		Tạp chí nghiên cứu Y học. ISN: 2354-080X			121 (5); 123-134	6/2019
32	Ý định hút thuốc lá điện tử của nam giới ở Hà Nội - Ứng dụng lý thuyết hành vi được lập kế hoạch.	02		Tạp chí nghiên cứu Y học. ISSN: 2354-080X			121 (5); 146-154	6/2019
33	Ảnh hưởng mạng xã hội đến cuộc sống và học tập của sinh viên Đại học Y Hà Nội	02	✓	Tạp chí Y học Việt Nam. ISSN: 1859-1868			479 (2); 149-153	6/2019

34	Lý do uống rượu/bia và mối liên quan giữa lý do uống rượu/bia với mức độ uống rượu/bia ở sinh viên một số trường đại học ở Việt Nam.	02	✓	Tạp chí Y học dự phòng. ISSN: 0868-2836			29 (5); 2019 62-69	
35	Thực trạng tổ chức căng tin trong các trường học tại thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng.	02	✓	Tạp chí Y học thành phố Hồ Chí Minh			Phụ bản tập 23 (5); 381- 387	2019
36	Thực trạng ghi nhãn dinh dưỡng của một số sản phẩm được chế biến sẵn và đồ uống không cồn được bày bán tại một số cửa hàng/ siêu thị ở Hà Nội.	03		Tạp chí Y tế công cộng. ISSN: 1859-1132			50; 46- 53	12/201 9
37	Tổng quan các văn bản chính sách về ghi nhãn dinh dưỡng.	04		Tạp chí Y tế công cộng.			51; 6- 15	3/2020
38	Thói quen ăn mặn của người dân một số tỉnh của Việt Nam.	02					488 (1); 70- 74	3/2020
39	Thái độ của cán bộ y tế tại một số bệnh viện ở Việt Nam và kiến thức về các bước tư vấn cai nghiện thuốc lá	02	✓	Tạp chí Y học Việt Nam. ISSN: 1859-1868			490 (2); 120- 123	5/2020
40	Sự hài lòng của người đưa trẻ đến tiêm chủng dịch vụ tại phòng tiêm chủng Trung tâm y tế quận Nam Từ Liêm năm 2019	02	✓				491 (1); 237- 242	6/2020
41	Nhận thức về bệnh do virút Zika của sinh viên ngành bác sĩ, Trường Đại học Y Hà Nội, năm 2017	03		Tạp chí nghiên cứu y học. ISSN: 2354-080X			129 (5); 72- 81	7/2020
42	Thực thi quy định môi trường không khói thuốc tại khách sạn/ nhà nghỉ tại Hải Phòng và Thái Nguyên năm 2018	03	✓	Tạp chí nghiên cứu y học. ISSN: 2354- 080X.			129 (5); 129- 138	7/2020

43	Thực trạng hoạt động thể lực và một số yếu tố liên quan của người dân ở một số tỉnh ở Việt nam năm 2019	03	✓	Tạp chí Y học dự phòng. ISSN: 0868-2836			30 (5); 50-57	8/2020
44	Một số yếu tố liên quan đến chi phí trực tiếp cho điều trị và ngoài điều trị của người bệnh đái tháo đường típ 2 trong một lần điều trị ngoại trú tại bệnh viện Thanh Nhân – Hà Nội, năm 2018	04		Tạp chí Y học Việt Nam. ISSN: 1859-1868			494 (2); 121- 125	9/2020
45	Hành vi giảm sử dụng muối của sinh viên Đại học Y Hà Nội năm 2020.	02	✓	Tạp chí nghiên cứu Y học. ISSN: 2354-080X			130 (6); 191- 199	9/2020
46	Kết quả khảo sát hàm lượng đường, muối, chất béo trong thực phẩm chế biến và đồ uống không cồn	04		Tạp chí Dinh dưỡng và thực phẩm. ISSN: 1859-0381			16 (6); 81-90	11/2020
47	Hiểu biết về nhãn dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan của khách hàng ở 5 tỉnh Việt Nam năm 2019	04	✓	Tạp chí Y học dự phòng. ISSN: 0868-2836			30 (7); 94-101	11/2020
48	Quan điểm về tác hại của ăn mặn, thực hành ăn giảm mặn và một số yếu tố liên quan của người dân tại một số tỉnh của Việt Nam năm 2019	04	✓				30 (7); 102- 108	2020
49	Mô hình bệnh tật của người điều trị nội trú tại bệnh viện Nhi tỉnh Thanh Hoá	03		Tạp chí y học Việt Nam. ISSN: 1859-1868			501(1) 127- 131	4/2021
50	Customers' intention to consume healthier foods: application of the theory of planned behaviour	03	✓	Public Health Journal (tạp			7 (1); 5-15	6/2021

				chí y tế công cộng). ISSN: 1859-1132				
51	Yếu tố liên quan đến ý định uống rượu bia của sinh viên Trường Cao đẳng y tế Hà Nội năm 2019.	02	✓	Tạp chí nghiên cứu y học. ISSN: 2354-080X			144 (8); 110-118	8/2021
52	Kiến thức và thái độ của sinh viên về quy định cấm trong luật phòng chống tác hại của rượu bia.	03	✓	Tạp chí nghiên cứu y học. ISSN: 2354-080X			144 (8); 221-228	8/2021
53	Một số yếu tố liên quan đến ý định sử dụng đồ ăn nhanh của sinh viên Trường Đại học Y Hà Nội năm 2020 – 2021	02	✓	Tạp chí nghiên cứu y học. ISSN: 2354-080X			143 (7); 201-208	9/2021
54	People's access to information and the practice of COVID-19 prevention during the first lockdown period in Hanoi in April, 2020	03		Journal of Health and Development Studies. ISSN: 2588-1442			5 (4); 99-109	2021
55	Thực trạng sử dụng đồ ăn nhanh của sinh viên Trường Đại học Y Hà Nội và một số yếu tố liên quan năm 2020- 2021	02	✓	Tạp chí Y học dự phòng. ISSN: 0868-2836			32 (6); 54-62	8/2022
56	Ý định tiêm phòng vắc xin covid-19 của cha mẹ cho con tại một trường trung học phổ thông, tỉnh Thái Nguyên, năm học 2021 - 2022	02	✓	Tạp chí Y học dự phòng. ISSN: 0868-2836.			33 (1); 39-47	2/2023
57	Kiến thức, thực hành về quản lý bệnh tăng huyết áp của cán bộ trạm y tế xã tại huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội năm 2022	05		Tạp chí Y học công đồng. ISSN: 2354-0613			64-Số đặc biệt, 114-122	5/2023

58	Rào cản đối với việc thăm khám, phát hiện sa sút trí tuệ cho người trên 50 tuổi ở một số tỉnh thành, Việt Nam và một số yếu tố liên quan năm 2020	05		Tạp chí Y tế công cộng. ISSN: 1859-1132			64; 16-24	9/2023
59	Thái độ về sa sút trí tuệ của người dân tại một số tỉnh ở Việt Nam năm 2020	08		Tạp chí Y tế công cộng. ISSN: 1859-1132			64; 25-33	9/2023
60	Thực trạng hút thuốc lá của cán bộ, giáo viên các trường Trung học cơ sở và trung học phổ thông tại Việt Nam năm 2022	08	✓	Tạp chí Y học dự phòng. ISSN: 0868-2836.			33 (5); 56-62	10/2023
61	Nhận thức về bệnh sa sút trí tuệ của người từ 50 tuổi và một số yếu tố liên quan tại tám tỉnh/thành phố ở Việt Nam	04	✓	Tạp chí Y học dự phòng. ISSN: 0868-2836.			33 (7); 147-156	12/2023
62	Một số yếu tố liên quan đến tiêm phòng vắc-xin covid-19 cho con tại một trường trung học phổ thông tỉnh Thái Nguyên.	05	✓	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			533 (1); 298-302	12/2023
B HƯỚNG NGHIÊN CỨU THỨ HAI: GIÁO DỤC Y HỌC								
B.1 Trước khi được công nhận Tiến sĩ								
	Xuất bản trong nước							
63	Lựa chọn làm việc trong lĩnh vực hồi sức của sinh viên Đại học Y Hà Nội (Career choice to work in intensive care unit: Perception from Students at Hanoi Medical University).	04	✓	Y học thực hành- Ấn phẩm song ngữ Việt Anh. ISSN: 1859-1663			6 (1012); 3-12	6/2016
B.2 Sau khi được công nhận Tiến sĩ								
	Xuất bản quốc tế							

64	Health Science Students' Use of Social Media for Educational Purposes: A Sample from a Medical University in Hanoi, Vietnam. https://doi.org/10.1155/2019/7962947	5	✓	Health Services Insights.	ISI (IF19 trong 5 năm = 3.1)		14, 1-9 2021
	Xuất bản trong nước						
65	Chiến lược đối phó với căng thẳng trong học tập của sinh viên trường đại học Y Hà Nội, năm học 2018-2019	05	✓	Tạp chí nghiên cứu y học. ISSN: 2354-080X			138 (2); 164-172 3/2021
66	Thái độ của sinh viên Đại học Y Hà Nội về học trực tuyến do dịch COVID 19 năm 2021.	02	✓	Tạp chí nghiên cứu y học ISSN: 2354-080X			156 (8); 211-220 8/2022
67	Phản hồi của sinh viên đại học Y Hà Nội về quá trình học tập thực hành cộng đồng tại huyện Bình Lục – tỉnh Hà Nam năm học 2021-2022	07		Tạp chí Y học Việt Nam. ISSN: 1859-1868			521 (2); 258-262 12/2022
68	Thái độ về học kỹ năng giao tiếp của sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Y Hà Nội, năm 2021	02	✓	Tạp chí Y học Việt Nam. ISSN: 1859-1868			521 (2); 296-300 12/2022
69	Mong muốn và đề xuất của sinh viên trường đại học Y Hà Nội về học tập thực tế cộng đồng năm 2022.	06		Tạp chí Y học Việt Nam. ISSN: 1859-1868			521 (2); 364-368 12/2022
70	Nhu cầu đào tạo liên tục về phòng chống dịch của cán bộ y tế xã của huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội năm 2022	05		Y học cộng đồng. ISSN: 2354-0613			64- Số 5/2023 đặc biệt, 141-147

71	Thực trạng môi trường học tập của sinh viên năm 6 ngành bác sĩ đa khoa tại trường Đại học Y Hà Nội năm học 2021-2022	12		Tạp chí Y học Việt Nam. ISSN: 1859-1868			535 (1); 174-178	2/2024
72	First-year orientation activities for students in School of preventive medicine and public health- Hanoi Medical University in 2022	06		Journal of Health and Development Studies (Vol.08, No.01-2024)			08(1), 72-82	2/2024

- Trong đó: 04 (các số TT: 12,14, 19, 64) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS (bài số 12 là sử dụng số liệu thuộc luận án TS).

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1	-	-	-	-	-

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1	-	-	-	-	-

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						-
2						-

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): Không

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

Không

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Không

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 06 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: Không

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 02 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

Không

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc cấp bằng TS:
Không

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: Không

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 15 tháng 06 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Phạm Bích Diệp